



Lao động di cư theo kênh chính thức và không chính thức tại một số tỉnh Bắc Trung Bộ Việt Nam



International
Labour
Organization

Lao động di cư theo kênh chính thức và không chính thức tại một số tỉnh Bắc Trung Bộ Việt Nam: Kết quả từ khảo sát hộ gia đình

Báo cáo tóm lược về Việt Nam | Tháng 7/ 2015¹

Kể từ khi thực hiện chính sách *đổi mới* kinh tế vào những năm 80, trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam đã bao gồm hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài như một giải pháp tạo việc làm và xoá đói giảm nghèo.

Một trong những yếu tố góp phần tăng số lượng lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài qua con đường chính thống là việc cấp giấy phép cho doanh nghiệp nhà nước và tư nhân hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài và đây vẫn là kênh chính thức chủ yếu thúc đẩy hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Hiện nay, theo số liệu thống kê của Cục Quản lý lao động ngoài nước, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (LĐTBXH), có khoảng 500.000 lao động Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài và riêng trong năm 2014, đã có 106.000 lao động được đưa đi làm việc ở nước ngoài.

Các hình thức đi làm việc ở nước ngoài ngày càng đa dạng và phức tạp khi số lượng người lao động ra nước ngoài làm việc cũng như số lượng thị trường tiếp nhận lao động Việt Nam tăng lên. Số lượng người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài qua các hình thức “tự đi” hoặc “không chính thức” cũng ngày càng ra tăng. Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo cách “tự đi” thường không thuộc đối tượng điều chỉnh của các Bản Ghi nhớ về phái cử và tiếp nhận lao động được ký giữa Chính phủ Việt Nam và chính phủ các nước tiếp nhận lao động và họ cũng không thông qua các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ. Một số người lao động “theo các kênh không chính thống” làm việc nhưng không có giấy phép lao động hợp pháp, ở lại quá hạn thị thực hoặc vi phạm quy định về thị thực lao động tại nước tiếp nhận.

Khảo sát hộ gia đình người lao động làm việc ở nước ngoài

Để có thể hiểu rõ hơn đặc điểm của người lao động đi làm việc hợp pháp và không có giấy tờ hợp pháp ở nước ngoài, năm 2013, Sở LĐTBXH hai tỉnh Thanh Hoá và Hà Tĩnh đã tiến hành thu thập số liệu hộ gia đình và phỏng vấn người lao động làm việc ở nước ngoài. Kết quả của nghiên

cứu này có đóng góp quan trọng và kịp thời đối với một lĩnh vực hoạt động của nền kinh tế Việt Nam mà cho đến nay vẫn còn nhiều điều chưa rõ ràng do thiếu số liệu đáng tin cậy.

Lao động một số tỉnh Bắc Trung Bộ Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài: Bức tranh toàn cảnh

Phương pháp khảo sát

Khảo sát được Sở LĐTBXH hai địa phương phối hợp với Dự án Hành động ba bên để bảo vệ người lao động trong và từ khu vực tiêu vùng sông Mê Kông mở rộng (Dự án Tam giác GMS), tiến hành.

Sự không thống nhất về phương pháp giữa hai tỉnh, bao gồm thực tế là nhiều câu trả lời bị bỏ trống đã làm hạn chế đưa ra các phân tích. Tuy nhiên, do kích thước mẫu lớn và có sự tương đồng nhất định giữa các cuộc khảo sát đã cho phép có thể đưa ra kết luận ở mức độ thống nhất cao.

Nhóm cán bộ của Dự án Tam giác GMS đã tiến hành nghiên cứu thực địa vào năm 2014 để bổ sung kết quả khảo sát; nghiên cứu được thiết kế để làm rõ thông tin định tính về kinh nghiệm và động lực của người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo kênh không chính thức. Thông tin tổng hợp từ nghiên cứu thực địa được thu thập từ 14 người lao động đi làm việc theo kênh không chính thức trong đó có 4 lao động nam và 2 lao động nữ của tỉnh Thanh Hoá (huyện Hà Trung và huyện Như Thanh), 5 lao động nam và 2 lao động nữ của tỉnh Hà Tĩnh (huyện Thạch Hà và huyện Can Lộc) và 1 lao động của tỉnh Nghệ An (người được hỏi tại Bangkok, Thái Lan).

Các cuộc khảo sát đã thu được thông tin chi tiết về giới tính và độ tuổi của 23.047 người lao động đi làm việc ở nước ngoài, trong số này, khoảng 30% là lao động nữ và 70% là lao động nam. Tỷ lệ này tương đối phù hợp với tỷ lệ chung theo số liệu quản lý chính thức về lao động đi làm việc hợp pháp ở nước ngoài.

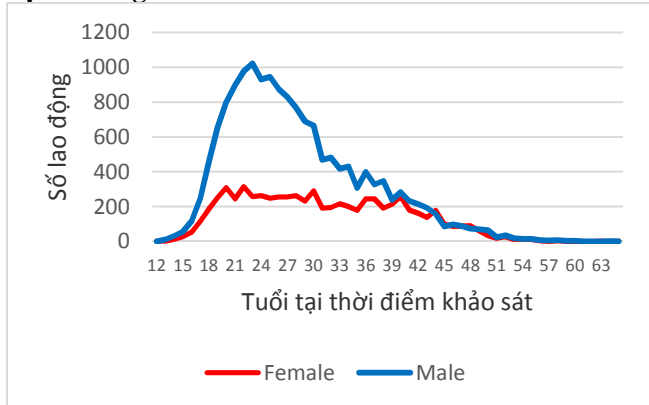
Người lao động đi làm việc ở nước ngoài thường trong độ tuổi từ 20 đến 29, chiếm 49% trong tổng số. Trong nhóm tuổi này, lao động nữ chiếm 38% và lao động nam chiếm 54% (xem Hình 1). Nhìn chung, độ tuổi của lao động nữ được phân bổ đều hơn trong nhóm tuổi 20-40, trong khi

¹ Bản báo cáo tóm lược này do Kristin Letts và Nguyễn Thị Mai Thủy xây dựng.

2 Lao động di cư theo kênh chính thức và không chính thức tại một số tỉnh Bắc Trung Bộ Việt Nam

đại đa số lao động nam đi làm việc ở nước ngoài là trong độ tuổi ngoài 20 đến dưới 30.

Hình 1: Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo độ tuổi và giới tính

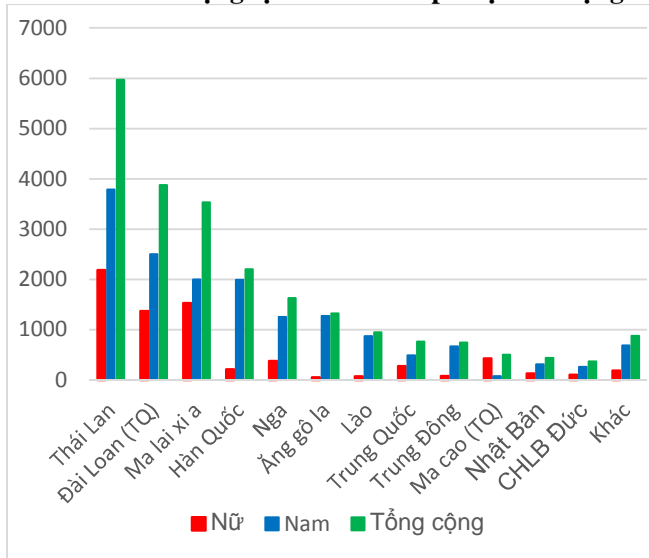


Nguồn: Kết quả khảo sát hộ gia đình

Các nước tiếp nhận

Kết quả khảo sát cũng cho thấy nước tiếp nhận phổ biến đối với người lao động là Thái Lan, trong đó có 2.184 lao động nữ và 3.788 lao động nam (xem hình 2)².

Hình 2: Số lao động tại các nước tiếp nhận lao động



Nguồn: Kết quả khảo sát hộ gia đình

Đối với lao động nữ đi làm việc ở nước ngoài, thị trường tiếp nhận phổ biến là Malaysia và Đài Loan (Trung Quốc). Nữ lao động thường làm những công việc như giúp việc gia đình (chiếm khoảng 25% tổng số lao động nữ đi làm việc ở nước ngoài), trong ngành dệt may (khoảng 12%) hoặc trong lĩnh vực sản xuất chế tạo (khoảng 12%).

Đối với lao động nam, Đài Loan (Trung Quốc) (chiếm khoảng 15% tổng số lao động nam đi làm việc ở nước ngoài), Malaysia (khoảng 12%) và Hàn Quốc (khoảng 12%), là thị trường tiếp nhận phổ biến. Ngành nghề công việc thường được người lao động thực hiện ở nước ngoài gồm xây dựng (khoảng 19% trong tổng số lao động nam

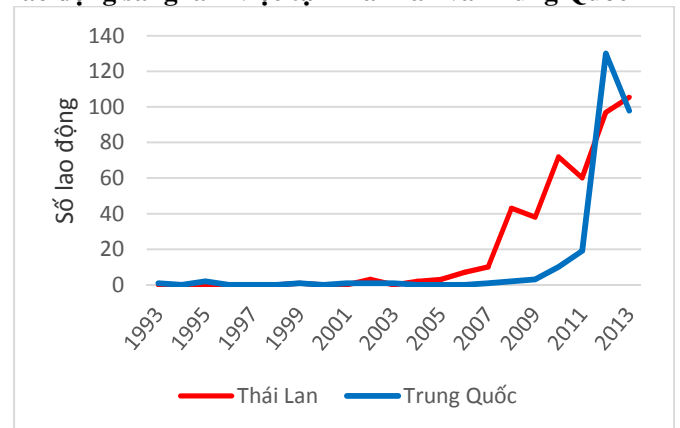
đi làm việc ở nước ngoài), lao động nhà máy (khoảng 16%) và thợ điện (khoảng 6%).

Các nước tiếp nhận không có Bản Ghi nhớ hợp tác lao động

Từ năm 1992, Việt Nam đã ký trên 20 Bản Ghi nhớ về hợp tác phái cử và tiếp nhận lao động với 20 quốc gia và vùng lãnh thổ. Kết quả khảo sát cho thấy lao động Việt Nam đi làm việc tại trên 60 quốc gia và vùng lãnh thổ trong nhiều loại hình công việc và trong số này có nhiều người lao động làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cá nhân ký trực tiếp với chủ sử dụng và người lao động làm việc ở nước ngoài qua các kênh không chính thức. Trong đó gồm người lao động sang làm việc tại các nước Châu Phi (phổ biến là Angola với 1.337 lao động) và một số quốc gia Châu Âu (phổ biến nhất là CHLB Đức với 368 lao động). Khu vực Châu Âu là nơi khoảng 18.000³ lao động bất hợp pháp từ Việt Nam sang Liên minh Châu Âu hàng năm qua các đường dây đưa người trái phép.

Trong khu vực, người lao động đi làm việc ở nước ngoài với số lượng đáng kể tại những nước không có Bản Ghi nhớ hợp tác lao động, như Thái Lan (6.108 lao động, bao gồm cả số lao động mà phiếu điều tra không điền đủ thông tin về giới tính) và Trung Quốc (777 lao động). Việc không có khung hợp tác chính thức cho việc hợp tác lao động giữa các địa phương được khảo sát với thị trường tiếp nhận Thái Lan hoặc Trung Quốc là một vấn đề đặc biệt cần quan tâm trong bối cảnh số người lao động đi làm việc tại các quốc gia này ra tăng (mặc dù trước đây số lao động đi làm việc tại Trung Quốc rất thấp) (xem Hình 3)

Hình 3: Khảo sát tại Thanh Hoá: Sự gia tăng của người lao động sang làm việc tại Thái Lan và Trung Quốc



Nguồn: Kết quả khảo sát hộ gia đình

Cho dù không có tác động tới các địa phương khảo sát, đã có một số cuộc đàm phán về việc người lao động các tỉnh biên giới của Việt Nam sang làm việc tại tỉnh biên giới của Trung Quốc, như đàm phán ngày 25/4/2015 giữa đại diện của 4 tỉnh miền Bắc Việt Nam và đại diện tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc để thảo luận việc hợp tác về nhiều lĩnh vực. Kết quả khảo sát cho thấy có thể cần tăng cường những cuộc đàm phán như thế này, kể cả cấp địa phương.

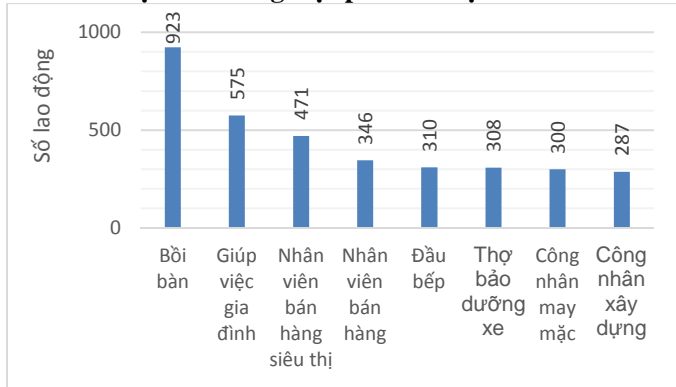
² Thông tin phản hồi không gồm phần trả lời cho các câu hỏi về giới đã được loại bỏ; các câu hỏi này chiếm khoảng 2%.

³ Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia tại Đông Á và Thái Bình Dương: Đánh giá mối đe dọa (Bangkok, Cơ quan phòng chống tội phạm và ma túy của Liên Hiệp Quốc, 2013)

3. Lao động di cư theo kênh chính thức và không chính thức tại một số tỉnh Bắc Trung Bộ Việt Nam

Người lao động sang làm việc tại Thái Lan được tiến hành quy mô hơn so với các thị trường khác với 25,8% người lao động làm việc tại thị trường này. Người lao động Việt Nam thường làm việc trong các nhà hàng (16%) và giúp việc gia đình (10%), tuy nhiên, cũng cần lưu ý về tính đa dạng của loại hình công việc của người lao động (xem Hình 4)

Hình 4: Loại hình công việc phổ biến tại Thái Lan



Nguồn: Kết quả khảo sát hộ gia đình

Nghiên cứu thực địa cũng cho thấy đi bằng đường bộ qua CHDCND Lào, ví dụ đi qua cửa khẩu Lao Bảo hoặc cửa khẩu Thakhek sang cửa khẩu Mukdahan và tới Bangkok, là con đường chủ yếu người lao động lựa chọn để sang Thái Lan. Động lực chủ yếu đối với người lao động sang làm việc tại Thái Lan là do dễ dàng sang làm việc và thị trường lao động này rất phổ biến đối với người dân ở địa phương.

Chính phủ Việt Nam và Thái Lan đang xem xét ký Bản Ghi nhớ về hợp tác lao động tạo cơ hội để giải quyết các vấn đề mà người lao động Việt Nam làm việc tại Thái Lan phải đối mặt và Bản Ghi nhớ này khi được ký sẽ giúp thay đổi đáng kể việc người lao động của nước bên này sang làm việc tại nước bên kia.

Thúc đẩy khung hợp tác như vậy có thể dựa trên các hoạt động đang tiến hành trong nước và khu vực. Hoạt động này gồm đánh giá gần đây của ILO về các Bản Ghi nhớ hợp tác lao động một số nước đã ký với Thái Lan⁴, đây là tài liệu tham khảo cần thiết cho các cuộc đàm phán hiện đang diễn ra. Cần lưu ý những Bản Ghi nhớ này có sự hạn chế trong việc đạt được mục tiêu và đưa ra khuyến nghị nhằm hỗ trợ xây dựng khung hợp tác toàn diện để thúc đẩy hoạt động di cư hợp pháp, chính thống. Hơn nữa, cũng có thể xem xét làm thế nào để những dịch vụ hỗ trợ hiện nay tại địa phương, cụ thể là tại Trung tâm hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài (MRC), có thể được tăng cường để hỗ trợ việc thực hiện Bản Ghi nhớ về hợp tác lao động.

Phỏng vấn lao động: Kinh nghiệm của người lao động làm việc theo các kênh không chính thức ở nước ngoài

Trong nghiên cứu thực địa, người lao động sang làm việc tại Thái Lan và Trung Quốc được lựa chọn để phỏng vấn, do tình trạng sang làm việc không có giấy tờ pháp tại các nước này rất phổ biến. Kinh nghiệm chung của số lao động trả lời phỏng vấn được thể hiện trong một số trường hợp dẫn chứng cụ thể dưới đây:

Dẫn chứng cụ thể: Người lao động ăn lương theo sản phẩm tại Thái Lan

Anh Ngữ*, 34 tuổi, đã sống và làm việc tại Thái Lan được 10 năm. Anh Ngữ đã từng là ngư dân tại xã Thạch Hải, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh và sau đó đã quyết định ra nước ngoài làm việc để có được thu nhập ổn định.

Anh Ngữ được bạn bè cho biết rằng đi làm việc tại nước ngoài qua các kênh không chính thống dễ dàng hơn và bản thân là người khuyết tật, anh Ngữ biết rằng mình không thể ra nước ngoài làm việc qua các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ.

Anh lựa chọn Thái Lan vì chi phí không nhiều để có thể sang làm việc tại đây. Anh Ngữ có thể trả chi phí là 1,5 triệu đồng Việt Nam (khoảng 70,5 USD) từ số tiền tiết kiệm cá nhân. Anh Ngữ phải đợi 15 ngày để được cấp hộ chiếu và sau đó đi qua CHDCND Lào để tới Bangkok. Anh Ngữ được đào tạo nghề may và được bố trí công việc làm ăn lương theo sản phẩm tại một xí nghiệp may sau khi đến Bangkok.

Anh Ngữ không ký hợp đồng, nhưng có quan hệ tốt với người sử dụng lao động. Anh được trả lương 2 kỳ mỗi tháng, thu nhập ban đầu đạt 5.000 Bạc/tháng (153 USD), sau đó tăng lên 15.000 Bạc/tháng (458 USD) do có kỹ năng tay nghề và kinh nghiệm. Ngữ sử dụng giấy phép nhập cảnh có giá trị một tháng để đến Thái Lan và hàng tháng, anh Ngữ đến biên giới với Campuchia để gia hạn với chi phí khoảng từ 700-800 Bạc (tương đương khoảng 21-24 USD)

Anh Ngữ muốn đi làm việc ở nước ngoài một cách hợp pháp nếu mức lương nhận được không thay đổi. Anh Ngữ cũng lo lắng rằng nếu gặp vấn đề gì phát sinh tại Thái Lan và với tư cách lưu trú và làm việc của mình, anh sợ rằng sẽ khó có thể giải quyết được.

* Tên của người lao động đã được thay đổi.

Nguồn: Kết quả phỏng vấn lao động

Kết luận

Việc không có đầy đủ thông tin liên quan đến người lao động đi theo các kênh không chính thống đồng nghĩa với việc chưa có quy định rõ ràng trách nhiệm của cơ quan nào

⁴Rà soát hiệu quả các Bản Ghi nhớ về quản lý lao động di cư giữa Thái Lan và các nước láng giềng (Bangkok, ILO, 2015).

4 Lao động di cư theo kênh chính thức và không chính thức tại một số tỉnh Bắc Trung Bộ Việt Nam

trong việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ số lao động này để có thể đảm bảo quyền, lợi ích của họ được bảo vệ khi làm việc ở nước ngoài cũng như khi về nước. Khắc phục tình trạng này sẽ tạo điều kiện giúp đạt được các mục tiêu chính sách của Chính phủ trong việc xóa đói giảm nghèo thông qua hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, trong đó cần chú trọng việc xây dựng khung toàn diện cho các chính sách về bảo vệ người lao động bao gồm lao động đi làm việc ở nước ngoài qua các con đường không chính thức, trong bối cảnh số lượng lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài tiếp tục gia tăng.

Trong bối cảnh người lao động Việt Nam đi làm việc tại Thái Lan và Trung Quốc ngày càng tăng, có động lực lớn để Việt Nam đàm phán những thoả thuận với các điều khoản mạnh mẽ về phái cử và tiếp nhận lao động, với sự tham khảo ý kiến của các tổ chức của người lao động và tổ chức của người sử dụng lao động, để có thể đảm bảo hoạt động đi làm việc ở nước ngoài của người lao động được thực hiện đúng quy định và bảo vệ người lao động. Hiện đàm phán với phía Thái Lan vẫn đang được tiến hành; những thoả thuận về hợp tác lao động như thế này sẽ không chỉ bảo vệ quyền lợi của người lao động, mà còn phải bảo đảm chi phí thấp để việc đi làm việc ở nước ngoài qua các kênh chính thống sẽ là lựa chọn hiệu quả, tiết kiệm chi phí đối với người lao động.

Kết quả của khảo sát cho thấy cần tăng cường phổ biến thông tin tới người lao động về quyền việc làm, những địa chỉ có thể nhận được sự hỗ trợ và dịch vụ hỗ trợ lãnh sự tại nước tiếp nhận phổ biến đối với lao động sang làm việc theo con đường tự đi hoặc các kênh không chính thức. Cần phổ biến thông tin tại các xã và các huyện nơi phổ biến tình trạng người lao động đi làm việc ở nước ngoài qua các kênh không chính thức.

Về mặt phương pháp, điều quan trọng cần đảm bảo bất kỳ một nghiên cứu nào trong thời gian tới sẽ được tiến hành một cách nhất quán để có thể phân tích so sánh một cách hiệu quả số liệu giữa các địa phương để có thể giúp xác định hình thức người lao động đi làm việc không chính thức ở nước ngoài; tuyên truyền để họ hiểu về những hình thức làm việc hợp pháp ở nước ngoài và xác định sự khác biệt giữa việc di cư qua kênh chính thức và không chính thức.

Khuyến nghị

- 1) Cần tăng cường khung thể chế, gồm sửa đổi quy định pháp luật, để hỗ trợ tốt hơn đối với người lao động làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cá nhân hoặc qua các kênh không chính thức;
- 2) Xây dựng thoả thuận song phương chính thức hoặc các Bản Ghi nhớ với những nước tiếp nhận chính, đặc biệt là Thái Lan, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động Việt Nam, giải quyết các vấn đề về giới và người lao động có thể tiếp cận lựa chọn

những hình thức đi làm việc ở nước ngoài hiệu quả và tiết kiệm chi phí;

- 3) Ở những nơi chưa có thoả thuận song phương chính thức, cần có cơ chế hỗ trợ tại chỗ phù hợp, thúc đẩy các hoạt động hỗ trợ của Trung tâm MRC, giảm tình trạng bóc lột lao động và đảm bảo người lao động làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cá nhân hoặc qua các kênh không hợp pháp được tiếp cận đầy đủ với các dịch vụ hỗ trợ của nhà nước;
- 4) Cần chú trọng tới các tỉnh, huyện và xã phổ biến tình trạng người lao động làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cá nhân hoặc qua các kênh không chính thức, để tuyên truyền thông tin về các vấn đề liên quan đến đi làm việc ở nước ngoài, trong đó có thông tin về các kênh hợp pháp để đi làm việc ở nước ngoài;
- 5) Xây dựng các chính sách phù hợp, mang tính nhạy cảm về giới để đảm bảo những nhóm lao động dễ bị tổn thương, cụ thể là lao động nữ và lao động người dân tộc, không bị bóc lột lao động tại nước tiếp nhận;
- 6) Tiếp tục thúc đẩy các nghiên cứu có sự phân tách về giới để hiểu rõ các lý do và động lực của người lao động khi lựa chọn đi làm việc ở nước ngoài qua các kênh/hình thức không chính thống;
- 7) Tiến hành nghiên cứu để đánh giá hiệu quả của hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài trong công tác xóa đói giảm nghèo tại Việt Nam, gồm hiệu quả khác biệt của nhóm lao động tay nghề cao so với nhóm lao động tay nghề thấp.

Thông tin liên hệ:

Văn phòng ILO tại Việt Nam

48-50 Nguyễn Thái Học, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

ĐT.: (84-4) 37340907

Website: www.ilo.org/hanoi

Facebook: www.facebook.com/Vietnam.ILO

Dự án TAM GIÁC ILO GMS

Max Tunon

Cán bộ chương trình cao cấp/ Điều phối viên dự án

Tòa nhà Liên hiệp quốc, tầng 10

Đại lộ Rajdamnern Nok, Hòm thư 2-349

Điện thoại: +662 288 2245

Email: tunon@ilo.org

Website: http://www.ilo.org/asia/whatwedo/projects/WCMS_304802/lang--en/index.htm



Australian Government
Department of Foreign Affairs and Trade

